TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 4 - 2025
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

1. Ông Nguyễn Văn Bé Ba

2. Ông Nguyễn Quốc Phục

***- Thư ký phiên tòa*:** ông Trần Kiến Toàn – Thẩm tra viên của Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2024/TLST - HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2024 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 23/2025/QĐXX-ST ngày 05 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 2000; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt)

- Bị đơn: Anh H, Y - J, sinh năm 1977; nơi cư trú: Lầu G, số A hẻm E lộ T, khóm C, phường T, khu P, thành phố C, Đài Loan (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 12/3/2024, nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:* Thông qua mai mối, chị và anh H, Y - Jen quen biết và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/10/2018. Sau khi kết hôn chị sang Đài Loan sinh sống cùng anh H, Y – J. Trong quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, sau đó chị về Việt Nam sinh sống cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H, Y – J.

- Về con chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

** Đối với bị đơn H, Y - J*: Ngày 22/5/2024 Tòa án có Công văn số 100/TTTPDS-TA61 về việc tương trợ tư pháp với nội dung: Ủy thác cho Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan thực hiện tống đạt văn bản tống tụng của Tòa án cho anh H, Y - J. Ngày 11/11/2024 Tòa án đã nhận được kết quả ủy thác tư pháp, theo công văn số 3317/BTP-PLQT ngày 28/10/2024 của Bộ Tư pháp về việc kết quả ủy thác tư pháp thì Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan đã tống đạt hồ sơ ủy thác cho anh H, Y - J vào ngày 16/9/2024 bằng phương thức gửi hồ sơ ủy thác tư pháp trực tiếp cho anh H, Y - J nhưng đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trả lời của anh H, Y - J và anh H, Y - J cũng không có mặt tại các phiên hòa giải, xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến khi giải quyết vụ án, đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mỹ T, cho chị Mỹ T được ly hôn với anh H, Y - J; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: đương sự khai không có, không yêu cầu nên không xem xét; chị Mỹ T phải chịu án phí, chi phí ủy thác tư pháp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Mỹ T và anh H, Y - Jen là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại Điều 126 của Luật hôn nhân và gia đình của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình của Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với đương sự là người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án Việt Nam.

Nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ T có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn H, Y - J đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Căn cứ vào hồ sơ ủy thác tư pháp, ngày 16/9/2024 Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan đã tống đạt hồ sơ ủy thác cho anh H, Y - Jen bằng phương thức giao hồ sơ ủy thác tư pháp cho anh H, Y – J trực tiếp nhận, nhưng đến nay Tòa án vẫn không nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh H, Y - J và anh H, Y - J1 cũng không có mặt tại Việt Nam để tham gia phiên tòa, nên Tòa

án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 116 đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long ký cấp ngày 22/10/2018 thể hiện chị Mỹ T và anh H, Y - Jen đã đăng ký kết hôn, do đó hôn nhân giữa chị Mỹ T và anh H, Y - J là hợp pháp.

Chị Mỹ T xác định, sau khi kết hôn chị sang Đài Loan sinh sống cùng anh H, Y – J, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị về Việt Nam sinh sống cho đến nay. Xét thấy, chị Mỹ T và anh H, Y - Jen không còn quan tâm nhau, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình, hiện nay chị Mỹ T sống ở Việt Nam còn anh H, Y - Jen sống ở Đài Loan, cả hai không còn liên lạc với nhau. Do chị Mỹ T và anh H, Y - Jen vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình của N làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho chị Mỹ T ly hôn anh H, Y - J là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: không có, không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí: Chị Mỹ T phải chịu chi phí ủy thác tư pháp và án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 19; Điều 56; Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 227; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 5 Điều 477; điểm b khoản 1 Điều 478; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ T.

Về hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với anh H, Y – J.

Về con chung: không có, không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

2.1 Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là

300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0014981 ngày 03/4/2024 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, chị Mỹ T đã nộp xong.

2.2 Về chi phí tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu tiền chi phí ủy thác tư pháp là 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp là 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0015005 ngày 03/5/2024 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, chị Mỹ T đã nộp xong.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- CQTHADSTVL: 01;
- Đ/s: 04;
- UBND BT: 01;
- Lưu văn phòng: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Nguyễn Thị Tư